TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ - ST
Ngày 23 - 01 - 2026
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lợi và ông Hoàng Trọng Thủy
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Tô Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 123/2025/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Xuân L, sinh năm 1973.
Số căn cước công dân: 044073006224
Nơi cư trú: thôn Đăk V, xã Sa L, tỉnh Quảng N. Anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn*:* Chị Đinh Thị C, sinh năm 1970.
Số căn cước công dân: 044170008546
Nơi cư trú: Thôn Cồn C, xã Tuyên P, tỉnh Quảng Trị. Chị Châu vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Trần Xuân Long trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị Châu có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/1995 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Tuyên Phú, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nội ở thôn Cồn Cam, xã Tuyên Phú, tỉnh Quảng Trị được một thời gian sau đó thì làm nhà ở riêng. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 1998 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình nên thường xuyên cải vã. Năm 1998 anh Long đi làm ăn tại miền Nam còn chị Đinh Thị Châu thì sinh sống ở quê, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh Long nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Châu.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Thị Ngọc, sinh ngày 06/10/1995 và Trần Anh Tuấn (đã chết). Hiện con chung Trần Thị Ngọc đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Xuân Long trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2025 chị Đinh Thị Châu trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Xuân Long tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đức Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Tuyên Phú, tỉnh Quảng Trị) vào năm 1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nội đến tháng 02 năm 1996 thì làm nhà ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1999 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Long đi làm ăn ở tỉnh Quảng Ngãi từ đó anh bỏ mặc vợ con không về nhà nữa. Thỉnh thoảng anh Long có về tại địa phương nhưng không về sống chung với chị Châu, không có trách nhiệm với gia đình. Hiện tại chị Châu nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên việc anh Long xin ly hôn thì chị Châu cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Ngọc, sinh ngày 06/10/1995 và Trần Anh Tuấn (đã chết). Hiện con Trần Thị Ngọc đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đinh Thị Châu trình bày vợ chồng không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Xuân Long có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Đinh Thị Châu. Đối với bị đơn chị Đinh Thị Châu đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến tham gia phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai, nhưng chị Châu không đến tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kể từ khi

thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Đề nghị xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn anh Trần Xuân Long và bị đơn chị Đinh Thị Châu.

2. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Xuân Long và chị Đinh Thị Châu.

3. Về quan hệ con chung: Con chung Trần Thị Ngọc, sinh ngày 06/10/1995 đã trưởng thành và có thể tự lập nuôi sống bản thân nên con muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của con, nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét.

Về án phí: Anh Trần Xuân Long phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Xuân Long khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đinh Thị Châu, cư trú tại thôn Cồn Cam, xã Tuyên Phú, tỉnh Quảng Trị, đây là vụ án " Ly hôn". Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Xuân Long vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Đinh Thị Châu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Xuân Long và chị Đinh Thị Châu có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/1995 tại Uỷ ban nhân dân xã Đức Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã Tuyên Phú, tỉnh Quảng Trị) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vả, anh Long đi làm ăn xa nhưng

không quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 1998 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, anh Long giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Châu, chị Châu cũng đồng ý ly hôn với lý do tình cảm vợ chồng không còn. Xét trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Long xin ly hôn chị Châu cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Xuân Long và chị Đinh Thị Châu.

[3] Về quan hệ con chung:

Anh Trần Xuân Long và chị Đinh Thị Châu thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Ngọc, sinh ngày 06/10/1995 và Trần Anh Tuấn (đã chết). Con chung Trần Thị Ngọc đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân nên con muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Xuân Long và chị Đinh Thị Châu thống nhất quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Xuân Long phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Long đã nộp tại Thi hành dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001520 ngày 04 tháng 11 năm 2025. Anh Trần Xuân Long đã nộp đủ tiền án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 55; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn anh Trần Xuân Long và bị đơn chị Đinh Thị Châu.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Xuân L và chị Đinh Thị C. Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Xuân L và chị Đinh Thị C chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Về quan hệ con chung: Con chung Trần Thị N, sinh ngày 06/10/1995 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân nên con muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Anh Trần Xuân L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Long đã nộp tại Thi hành dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001520 ngày 04 tháng 11 năm 2025. Anh Trần Xuân L đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 2 - Quảng Trị;
- Phòng THADSKV2 - Quảng Trị;
- UBND xã Tuyên Phú – Quảng Trị;
- Công an xã Tuyên Phú – Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Anh Tuấn